

CTCP DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN  
(HOSE - SCS)

## BÁO CÁO CẬP NHẬT KQKD

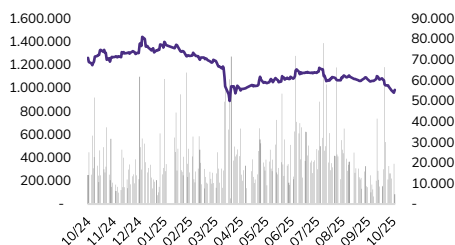
Nguyễn Thị Kỳ Duyên

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

## THÔNG TIN CƠ BẢN

|                       |                   |
|-----------------------|-------------------|
| Ngành                 | : Kho xếp/bến bãi |
| Ngày báo cáo          | : 28/10/2025      |
| Giá hiện tại (VND/CP) | : 55.000          |
| Vốn hóa (Tỷ VND)      | : 5.219           |
| SLCPDLH (CP)          | : 94.886.982      |

## DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu             | Q3/2024 | Q3/2025 |
|----------------------|---------|---------|
| Tăng trưởng DTT (%)  | 55,0%   | 17,2%   |
| Tăng trưởng LNST (%) | 38,7%   | 9,8%    |
| Biên LNG (%)         | 80,0%   | 80,5%   |
| Biên LNST (%)        | 69,9%   | 65,5%   |
| ROA (%)              | 10,6%   | 10,5%   |
| ROE (%)              | 12,1%   | 12,5%   |
| Nợ vay/VCSH (lần)    | 0,00    | 0,00    |
| EPS (VND/CP)         | 1.958   | 2.150   |
| BVPS (VND/CP)        | 16.223  | 17.150  |

Nguồn: FiinPro, ABS Research

## Triển vọng dài hạn vẫn còn nhiều thách thức

- **KQKD Q3/2025: Lợi nhuận đạt kỷ lục nhờ tăng trưởng hàng quốc tế**
  - ✓ Q3/2025, doanh thu thuần (DTT) của SCS tăng lên 312 tỷ đồng (+17,2% svck). Dù đã cải thiện so với quý trước, đà tăng đã chậm lại đáng kể so với mức tăng +55% của cùng kỳ năm trước do mặt bằng nền cao. Tăng trưởng doanh thu chủ yếu đến từ mảng kinh doanh chủ lực của SCS là khai thác nhà ga đạt 294 tỷ đồng (+18,1% svck, chiếm 94,4% tổng doanh thu) nhờ việc hàng hóa xuất khẩu đường hàng không tăng mạnh trong quý 3, đặc biệt do (i) gia tăng nhu cầu xuất khẩu các loại linh kiện khi vào mùa cao điểm của hàng hóa như smartphone, thiết bị điện tử; (ii) tiếp tục hưởng lợi làn sóng “front-loading” sang Mỹ để đề phòng rủi ro thuế quan cao hơn.
  - ✓ Lợi nhuận gộp đạt 251 tỷ đồng (+17,9% svck). Biên lợi nhuận gộp đạt 80,5%, tăng nhẹ 0,5 điểm phần trăm svck.
  - ✓ Lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng ròng 6 tỷ đồng (+50,8% svck) lên 18,4 tỷ đồng do gia tăng lãi tiền gửi.
  - ✓ Các chi phí BH&QLDN cũng tiếp tục được kiểm soát hiệu quả, chỉ 15 tỷ đồng, tương đương với cùng kỳ.
  - ✓ Nhờ vậy, LNST của Cổ đông công ty mẹ đạt 204 tỷ đồng (+9,8% svck). Biên lợi nhuận ròng đạt chỉ 65,5% (-4,5 điểm phần trăm svck) do thuế thu nhập doanh nghiệp gia tăng về mức 20%. Dù vậy, đây là mức lợi nhuận sau thuế kỷ lục của công ty kể từ khi hoạt động.
- **Lũy kế 9T/2025: Doanh thu vẫn tích cực, tuy nhiên LNST bị ảnh hưởng do không còn được ưu đãi thuế.**
  - ✓ DTT sau 9 tháng tích cực đạt 870 tỷ đồng (+18,5% svck) nhờ sản lượng hàng hóa khai thác quốc tế tăng trưởng. Cụ thể sản lượng trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt 205.187 tấn (+5,6% svck), với đóng góp chủ yếu từ hàng quốc tế đạt 162.601 tấn (+10,2% svck), trong khi hàng hóa quốc nội khai thác giảm còn 39.586 tấn (-15,4% svck).
  - Sản lượng quốc nội giảm svck là do: (i) nhu cầu vận tải quốc nội đi ngang, chỉ đạt 169 tấn hàng hóa (+0,2% svck), trong khi cạnh tranh từ vận chuyển đường bộ gia tăng do chi phí thấp; (ii) hoạt động của khách hàng chủ lực là Vietjet Air bị gián đoạn do thay đổi công ty phục vụ mặt đất.
  - Ngược lại, sản lượng quốc tế tăng mạnh là nhờ: (i) sản lượng hàng hóa xuất khẩu quốc tế tăng trưởng; (ii) nhà ga T3 Tân Sơn Nhất đi vào hoạt động từ Q2/2025.

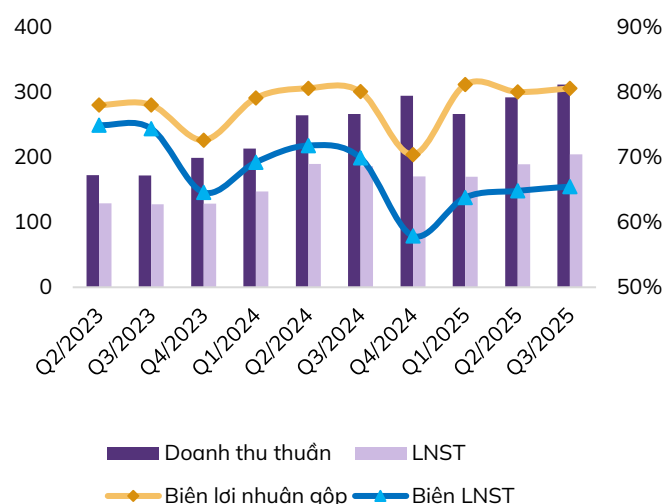
## KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA SCS Q3/2025 &amp; 9T/2025

| BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)   | Q3/2024      | Q3/2025      | %YoY         | 9T/2024      | 9T/2025      | %YoY         |
|------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>             | <b>266</b>   | <b>312</b>   | <b>17,2%</b> | <b>743</b>   | <b>870</b>   | <b>17,2%</b> |
| Lợi nhuận gộp                      | 213          | 251          | 17,9%        | 594          | 700          | 17,9%        |
| <i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>      | <i>80,0%</i> | <i>80,5%</i> |              | <i>79,9%</i> | <i>80,5%</i> |              |
| Chi phí BH&QLDN                    | -15          | -15          | 0,1%         | -43          | -45          | 6,3%         |
| <i>Chi phí BH&amp;QLDN/DTT (%)</i> | <i>-5,7%</i> | <i>-4,9%</i> |              | <i>-5,7%</i> | <i>-5,2%</i> |              |
| Doanh thu HĐ tài chính             | 12           | 18           | 50,9%        | 41           | 50           | 21,4%        |
| Chi phí tài chính                  | 0            | 0            |              | 0            | 0            |              |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>   | <i>0</i>     | <i>0</i>     |              | <i>0</i>     | <i>0</i>     |              |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD            | 210          | 254          | 21,1%        | 592          | 705          | 19,0%        |
| Lợi nhuận trước thuế               | 209          | 255          | 21,8%        | 591          | 705          | 19,3%        |
| <b>LNST cổ đông công ty mẹ</b>     | <b>186</b>   | <b>204</b>   | <b>9,8%</b>  | <b>523</b>   | <b>563</b>   | <b>7,7%</b>  |
| <i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>     | <i>69,9%</i> | <i>65,5%</i> |              | <i>70,4%</i> | <i>64,7%</i> |              |

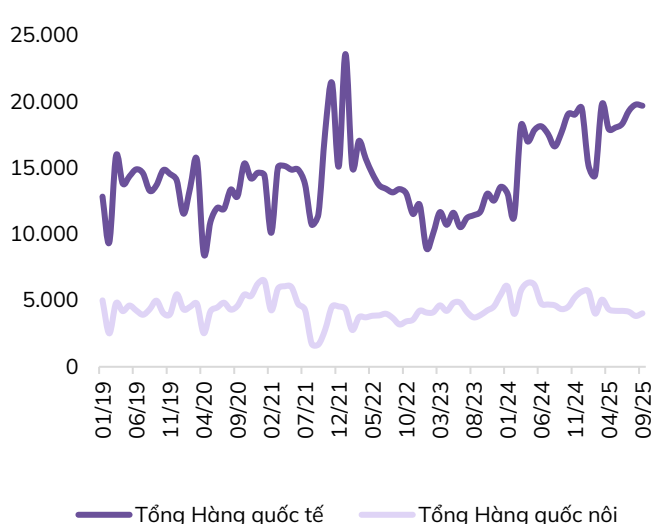
Nguồn: SCS, ABS Research

- ✓ Lợi nhuận gộp lũy kế 9 tháng đạt 700 tỷ đồng (+17,9% svck). Biên lợi nhuận gộp ở mức rất cao đạt 80,5% (+0,6 điểm phần trăm svck), nhờ (i) chi phí nguyên nhiên liệu giảm và (ii) chi phí khấu hao và dịch vụ mua ngoài (chiếm 55% tổng chi phí SXKD) tăng chậm hơn doanh thu.
- ✓ Doanh thu từ hoạt động tài chính (HĐTC) tăng 21,4% lên 50 tỷ đồng nhờ gia tăng lãi tiền gửi, trong khi đó công ty không phát sinh chi phí tài chính.
- ✓ Chi phí BH&QLDN có tốc độ và quy mô tăng ít hơn nhiều so với quy mô tăng doanh thu, lên mức 45 tỷ đồng (+6,3% svck) chủ yếu do gia tăng chi phí nhân công.
- ✓ LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 563 tỷ đồng (+7,7% svck), biên lợi nhuận ròng đạt 64,7% (-5,7 điểm phần trăm svck) do đã hết thời gian áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% (trong vòng 15 năm kể từ 2010) khi đầu tư xây dựng công trình nhà ga hàng hóa Tân Sơn Nhất và phải chịu mức thuế suất 20% từ đầu năm 2025. Với kết quả này, công ty đã hoàn thành 74% kế hoạch doanh thu và 82% kế hoạch LNST đề ra.

Doanh thu (tỷ đồng) và biên lợi nhuận theo quý (%)

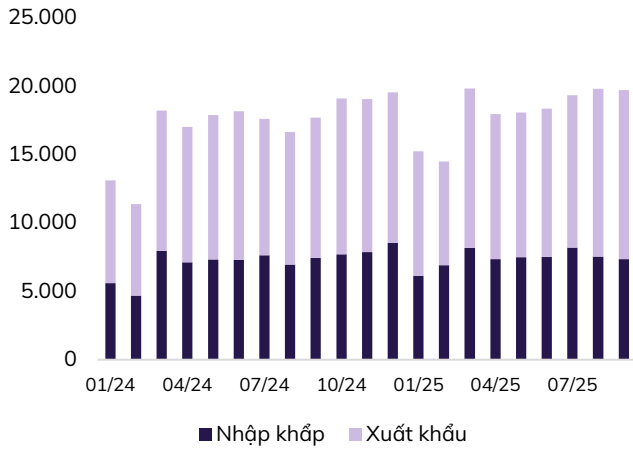


Tổng sản lượng hàng hóa khai thác theo tháng (Tấn)

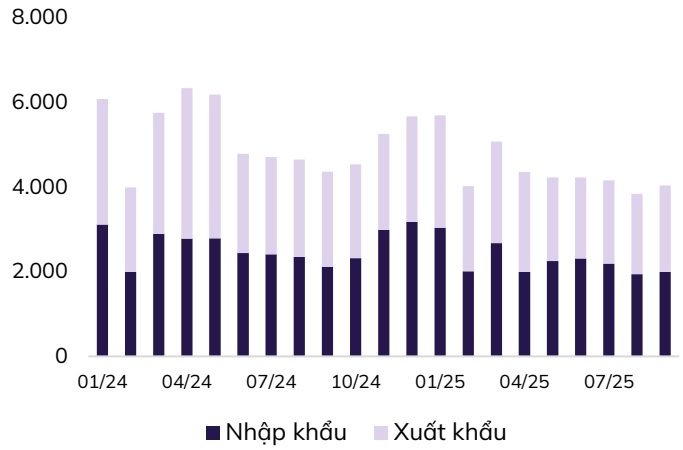


Nguồn: SCS, ABS Research

Sản lượng hàng quốc tế (tấn)



Sản lượng hàng quốc nội (tấn)

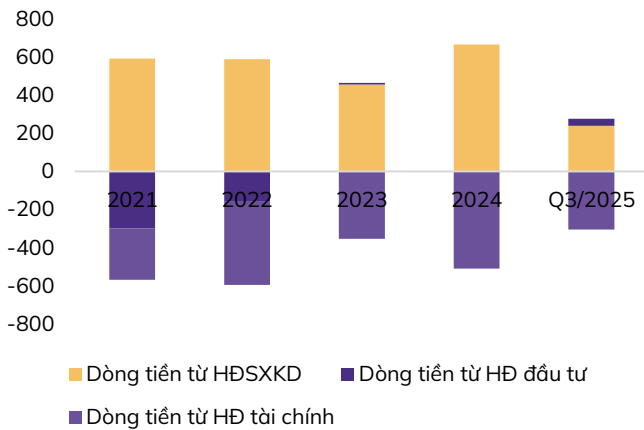


Nguồn: SCS, ABS Research

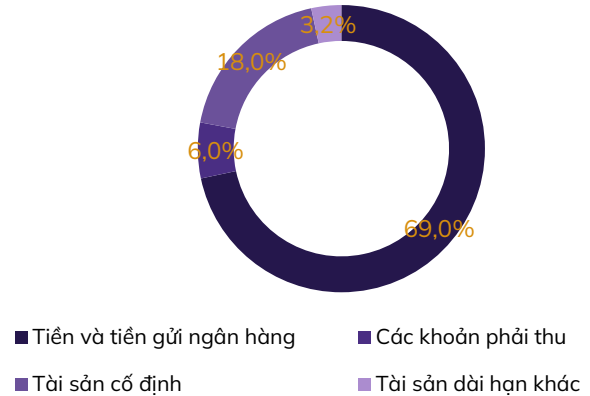
• Công ty có sức khỏe tài chính lành mạnh, không có nợ vay.

- ✓ **Lượng tiền tương đối dồi dào.** Tại 30/09/2025, tổng tài sản của SCS đạt 1.941 tỷ đồng (+2,3% so với đầu năm). Tiền và tiền gửi ngân hàng ở mức 1.339 tỷ đồng (+5,3% so với đầu năm, chiếm 69,0% tổng tài sản). Nền thanh khoản dồi dào giúp SCS vừa tối ưu thu nhập lãi tiền gửi vừa chủ động chi trả cổ tức. Về chính sách cổ tức, công ty duy trì mức trả cổ tức cho cổ đông thường với tỷ lệ 50% – 60%/mệnh giá. Tính riêng năm 2024, công ty chi trả cổ tức tiền mặt với tỷ lệ 60%/mệnh giá. Dự kiến năm 2025 công ty sẽ chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông thường với tỷ lệ 30%/mệnh giá.
- ✓ **Công ty hoàn toàn không có nợ vay.** Trước đây, giai đoạn 2010, tỷ lệ nợ vay/vốn chủ của SCS tăng do đầu tư xây dựng ga hàng hóa Tân Sơn Nhất; tuy nhiên, doanh nghiệp đã hoàn tất trả nợ vào năm 2018 và duy trì tỷ lệ ở mức 0 cho tới nay.
- ✓ **Dòng tiền từ HĐSXKD khỏe mạnh, dương thường xuyên, giúp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.**

Dòng tiền của SCS (Tỷ đồng)



Cơ cấu tài sản của SCS



Nguồn: SCS, ABS Research

## Đánh giá của ABS Research

Chúng tôi cho rằng tốc độ tăng trưởng kết quả kinh doanh của SCS sẽ chậm lại trong năm 2025 và 2026.

- ✓ **Sản lượng vận tải hàng hóa bằng đường hàng không dự kiến tăng chậm lại.**
- Trong 9T/2025, sản lượng hàng hóa vận tải qua đường hàng không (air cargo) đạt 1,1 triệu tấn (+18,7% svck).
- Theo IATA, sản lượng air cargo toàn cầu năm 2025 chỉ tăng khoảng 0,7% svck trong bối cảnh thương mại chịu nhiều biến động thuế quan. Theo đó, chúng tôi cho rằng sản lượng khai thác hàng không sẽ chậm lại do: (i) mùa cao điểm đã rơi vào Q3, hiệu ứng front-loading đang phai dần; (ii) giá cước container đường biển giảm về vùng trước-Covid, khiến cạnh tranh giá giữa các phương thức nghiêng về đường biển ở các nhóm hàng ít nhạy thời gian; (iii) Mỹ chấm dứt chế độ miễn thuế “de

minimis” cho kiện hàng giá trị nhỏ, điều này tăng chi phí và thời gian thông quan, khiến động lực tăng trưởng vận chuyển hàng không chậm lại.

- Tuy nhiên, sản lượng quốc tế của SCS vẫn có thể duy trì đà tăng khi công ty mở rộng tệp khách hàng giá trị cao. Từ đầu năm 2025, công ty đã bổ sung thêm 2 khách hàng quốc tế, trong đó có Emirates Airlines.
- **Lợi nhuận sau thuế của SCS bị ảnh hưởng do không còn ưu đãi thuế suất từ 2025.** Công ty được hưởng lãi suất ưu đãi 10% đối với thu nhập từ dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất với thời hạn 15 năm kể từ năm 2010. Kể từ năm 2025, công ty quay về mức thuế suất 20% sẽ làm co hẹp biên lợi nhuận ròng so với các năm trước.
- ✓ **Triển vọng trong trung và dài hạn của SCS từ năm 2027 khi sân bay quốc tế Long Thành đi vào hoạt động cần theo dõi thêm.** Hiện nay, chưa có thông tin cụ thể về việc SCS có được cấp phép đầu tư ga hàng hóa tại Sân bay Long Thành hay không, do đó chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi thêm để có những đánh giá tác động cụ thể trong các báo cáo tiếp theo.
- **Trường hợp SCS được tham gia:** Chúng tôi cho rằng SCS có nhiều lợi thế khi tham gia đấu thầu như: (i) kinh nghiệm trong hoạt động khai thác ga hàng hóa; (ii) có thị phần xấp xỉ 48% tại sân bay Tân Sơn Nhất; (iii) đủ tiềm lực tài chính tham gia dự án; iv) ACV là cổ đông lớn của SCS. Việc tham gia dự án sẽ giúp SCS tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trong trung và dài hạn. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, doanh thu, lợi nhuận có thể bị ảnh hưởng do có sự dịch chuyển hàng hóa vận chuyển từ Sân bay Tân Sơn Nhất sang Sân bay Long Thành trong khi chi phí đầu tư bị gia tăng.
- **Trường hợp SCS không được tham gia:** Khi nhà ga hàng hóa tại Sân bay Long Thành đưa vào khai thác, lượng hàng hóa vận tải sẽ bị dịch chuyển khỏi Sân bay Tân Sơn Nhất (chỉ còn lại khoảng 20% lượng hàng quốc tế và 80% lượng hàng nội địa). Điều này sẽ tác động đáng kể tới doanh thu, lợi nhuận của SCS.
- ✓ ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2025F của ở mức 725 tỷ đồng (+4,6% svck). EPS & BVPS 2025F dự kiến đạt 7.641 đ/cp và 19.456 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 7,2x và 2,8x lần. ROE dự kiến đạt 39,3%. LNST Cổ đông Công ty mẹ năm 2026F dự kiến đạt 758 tỷ đồng (4,5% svck). EPS dự kiến đạt 7.984 đ/cp, tương ứng với P/E và P/B lần lượt đạt 6,9x và 2,2x lần. ROE 2026F dự kiến là 32,7%.

## PHỤ LỤC – MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA SCS

| Báo cáo KQ HĐKD (tỷ đồng)               | 2021       | 2022       | 2023       | 2024         |
|-----------------------------------------|------------|------------|------------|--------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>                  | <b>839</b> | <b>851</b> | <b>705</b> | <b>1.037</b> |
| Giá vốn                                 | (187)      | (153)      | (170)      | (236)        |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>                    | <b>652</b> | <b>698</b> | <b>535</b> | <b>801</b>   |
| Doanh thu tài chính                     | 35         | 59         | 88         | 57           |
| Chi phí tài chính                       | (1)        | (0)        | (1)        | (1)          |
| Chi phí bán hàng                        | 0          | 0          | 0          | 0            |
| Chi phí quản lý                         | (78)       | (57)       | (52)       | (71)         |
| <b>Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh</b> | <b>607</b> | <b>699</b> | <b>571</b> | <b>785</b>   |
| Lợi nhuận/(lỗ) khác                     | (2)        | (3,1)      | (2,4)      | (2,9)        |
| Lợi nhuận trước thuế                    | 605        | 697        | 569        | 783          |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>               | <b>564</b> | <b>646</b> | <b>498</b> | <b>693</b>   |
| <b>LNST cổ đông Công ty mẹ</b>          | <b>564</b> | <b>646</b> | <b>498</b> | <b>693</b>   |

| Báo cáo LCTT (tỷ đồng)                     | 2021      | 2022       | 2023       | 2024       |
|--------------------------------------------|-----------|------------|------------|------------|
| LCT thuần từ HĐKD                          | 591       | 588        | 455        | 666        |
| LCT thuần từ Hoạt động đầu tư              | (298)     | (156)      | 10         | (8)        |
| LCT thuần từ Hoạt động tài chính           | (271)     | (439)      | (354)      | (503)      |
| <b>LCT thuần trong kỳ</b>                  | <b>22</b> | <b>(6)</b> | <b>112</b> | <b>155</b> |
| Tiền & tương đương tiền đầu kỳ             | 36        | 58         | 51         | 163        |
| <b>Tiền &amp; tương đương tiền cuối kỳ</b> | <b>58</b> | <b>51</b>  | <b>163</b> | <b>317</b> |

| Chỉ số tài chính              | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|-------------------------------|------|------|------|------|
| <b>Khả năng thanh toán</b>    |      |      |      |      |
| Khả năng thanh toán hiện hành | 5,18 | 8,51 | 3,24 | 2,85 |
| Khả năng thanh toán nhanh     | 2,25 | 1,16 | 0,72 | 0,88 |
| Khả năng thanh toán tiền mặt  | 0,35 | 0,44 | 0,45 | 0,65 |
| Khả năng thanh toán lãi vay   | -    | -    | -    | -    |
| <b>Cơ cấu vốn</b>             |      |      |      |      |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản   | 0,88 | 0,92 | 0,79 | 0,74 |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản      | 0,12 | 0,08 | 0,21 | 0,26 |
| Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)   | -    | -    | -    | -    |

|                                     |       |       |       |       |
|-------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Chỉ số hiệu suất hoạt động</b>   |       |       |       |       |
| Số ngày phải thu                    | 32,98 | 33,29 | 32,62 | 26,49 |
| Số ngày phải trả                    | 12,18 | 13,21 | 16,89 | 13,89 |
| Số ngày tồn kho                     | -     | -     | -     | -     |
| <b>Khả năng sinh lời</b>            |       |       |       |       |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp               | 77,7% | 82,0% | 75,9% | 77,2% |
| Tỷ suất lợi nhuận HĐKD              | 72,3% | 82,2% | 81,0% | 75,7% |
| Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ | 67,2% | 75,9% | 70,7% | 66,8% |
| ROE                                 | 49,8% | 48,2% | 35,9% | 50,5% |
| ROA                                 | 44,9% | 43,5% | 30,6% | 38,5% |
| ROIC                                | 49,2% | 46,2% | 33,1% | 57,1% |

| Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)       | 2021         | 2022         | 2023         | 2024         |
|--------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| + Tiền và các khoản tương đương tiền | 58           | 51           | 163          | 317          |
| + Đầu tư ngắn hạn                    | 480          | 860          | 899          | 954          |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn        | 312          | 85           | 96           | 111          |
| + Hàng tồn kho                       | 0            | 0            | 0            | 0            |
| + Tài sản ngắn hạn khác              | 1            | 4            | 4            | 6            |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>              | <b>851</b>   | <b>1.000</b> | <b>1.163</b> | <b>1.388</b> |
| + Các khoản phải thu dài hạn         | 0            | 0            | 0            | 0            |
| + Tài sản cố định                    | 412          | 391          | 356          | 374          |
| + Đầu tư dài hạn                     | 0            | 0            | 0            | 0            |
| + Tài sản dài hạn khác               | 65           | 64           | 64           | 63           |
| <b>Tài sản dài hạn</b>               | <b>564</b>   | <b>555</b>   | <b>540</b>   | <b>509</b>   |
| <b>Tổng tài sản</b>                  | <b>1.416</b> | <b>1.556</b> | <b>1.703</b> | <b>1.898</b> |
| + Vay ngắn hạn                       | 0            | 0            | 0            | 0            |
| + Phải trả người bán                 | 8            | 4            | 12           | 6            |
| + Nợ ngắn hạn khác                   | 157          | 114          | 346          | 481          |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                   | <b>164</b>   | <b>118</b>   | <b>358</b>   | <b>487</b>   |
| + Vay dài hạn                        | 0            | 0            | 0            | 0            |
| + Các khoản phải trả dài hạn khác    | 2            | 4            | 6            | 4            |
| <b>Nợ dài hạn</b>                    | <b>2</b>     | <b>4</b>     | <b>6</b>     | <b>4</b>     |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>              | <b>166</b>   | <b>122</b>   | <b>364</b>   | <b>492</b>   |
| + Vốn cổ phần                        | 579          | 1.011        | 1.016        | 1.021        |
| + Thặng dư vốn cổ phần               | 43           | 0            | 8            | 15           |
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối  | 618          | 423          | 315          | 370          |
| + Quỹ khác                           | 0            | 0            | 0            | 0            |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                | <b>1.249</b> | <b>1.434</b> | <b>1.339</b> | <b>1.406</b> |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>           | <b>1.416</b> | <b>1.556</b> | <b>1.703</b> | <b>1.898</b> |

| Tỷ lệ tăng trưởng (%)               | 2021  | 2022   | 2023   | 2024  |
|-------------------------------------|-------|--------|--------|-------|
| Tăng trưởng doanh thu               | 21,1% | 1,4%   | -17,2% | 47,1% |
| Tăng trưởng LNNT                    | 21,2% | 15,1%  | -18,4% | 37,7% |
| Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ | 21,4% | 14,6%  | -22,9% | 39,0% |
| Tăng trưởng EPS                     | 21,4% | -30,8% | -23,3% | 31,4% |
| Tăng trưởng VCSH                    | 0,0%  | 74,5%  | 0,5%   | 0,5%  |
| Tăng trưởng Tổng tài sản            | 29,4% | 9,9%   | 9,5%   | 11,4% |

| Định giá (lần) | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   |
|----------------|--------|--------|--------|--------|
| P/E            | 7,99   | 10,37  | 16,55  | 8,37   |
| P/B            | 3,63   | 4,92   | 6,51   | 4,13   |
| EV/EBITDA      | 6,72   | 9,71   | 15,33  | 6,71   |
| EV/Sales       | 5,03   | 7,81   | 11,47  | 5,01   |
| EPS            | 9.241  | 6.393  | 4.906  | 6.448  |
| BVPS           | 20.323 | 13.474 | 12.473 | 13.068 |

Nguồn: FiinPro, ABS Research

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

|                     |                                                                 |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <b>MUA</b>          | Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên                   |
| <b>KHẢ QUAN</b>     | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%   |
| <b>TRUNG LẬP</b>    | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%   |
| <b>KÉM KHẢ QUAN</b> | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5% |
| <b>BÁN</b>          | Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%                    |

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

## Thông tin liên hệ

### Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

### Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

#### Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

#### PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

#### Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: [hai.nguyenxuan@abs.vn](mailto:hai.nguyenxuan@abs.vn)

#### Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

#### Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

#### Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: [anh.buiminhh@abs.vn](mailto:anh.buiminhh@abs.vn)

#### Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)



*Tư hào*  
**NHẬN CÚ ĐÚP  
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP  
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI  
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH  
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT  
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây